

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc tổng kết sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê Niên vụ 2022-2023 và Kế hoạch Niên vụ cà phê 2023-2024

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Đắk Lắk được xem là thủ phủ cà phê của Việt Nam bởi diện tích và sản lượng luôn đứng đầu cả nước. Cà phê là sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong cơ cấu nền kinh tế tỉnh, là sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm xã hội và kim ngạch xuất khẩu hàng năm của tỉnh, cà phê ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu nhập của đại đa số người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Với diện tích cà phê hiện nay đạt 212.915 ha, sản lượng đạt trên 558.729 tấn/năm, cây cà phê không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế – xã hội mà còn có ý nghĩa to lớn về văn hóa du lịch. Quá trình phát triển ngành cà phê kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, văn hóa bản địa, đã thu hút ngày càng tăng lượng du khách đến thăm quan du lịch tại Đắk Lắk.

Cùng với sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của UBND tỉnh, các ngành các cấp trong tỉnh tập trung triển khai tốt các nội dung, nhiệm vụ, Niên vụ cà phê 2022 - 2023 đạt kết quả cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2022-2023.

1. Tình hình sản xuất.

- **Về diện tích cà phê:** Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, diện tích cà phê Niên vụ 2022-2023 đạt 212.915 ha, giảm 421 ha so với Niên vụ trước, trong đó diện tích cho sản phẩm 200.841 ha, tăng 937 ha so với Niên vụ 2021-2022, năng suất bình quân đạt 27.82 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 558.729 tấn, tăng 31.936 tấn so với Niên vụ trước. Năng suất cà phê hiện nay tăng là do một số diện tích cà phê tái canh đã được người dân sử dụng các giống mới, chất lượng cao, đồng thời trong quá trình sản xuất việc chăm sóc thâm canh cũng được người dân chú trọng hơn (*Chi tiết tại phụ lục I kèm theo*).

Thực trạng sản xuất cà phê hiện nay trên địa bàn tỉnh đang diễn ra đó là: Hình thức tổ chức sản xuất cà phê chủ yếu là sản xuất cá thể, quy mô nhỏ lẻ, manh mún, chỉ có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh do các Công ty thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam, các Công ty cà phê thuộc tỉnh Đắk Lắk và doanh nghiệp quản lý, còn lại gần 90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Việc tái canh cây cà phê già cỗi, sâu bệnh, chất lượng kém đang gặp khó khăn vì cần thực hiện quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt và vốn đầu tư lớn. Tình trạng thu hái quả cà phê xanh còn diễn ra phổ biến, khâu chế biến còn bất cập, thiếu gắn kết

giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ, một số doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn chưa quan tâm nhiều đến phát triển vùng nguyên liệu.

- **Về thực hiện tái canh cà phê:** Để tiếp tục triển khai Chương trình tái canh cà phê, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích tái canh 24.441,78 ha, bình quân hàng năm sẽ tái canh khoảng 4.800 ha.

Theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố: Kết quả tái canh đến năm 2023 lũy kế là 10.212,6 ha/24.441,78 ha, đạt 41,78% kế hoạch, riêng năm 2023 thực hiện tái canh được 3.758,78 ha/4.963,93 ha kế hoạch, đạt 72,08%. Theo kế hoạch tái canh năm 2024 là 4.995,13ha (*Chi tiết tại phụ lục II kèm theo*).

Đồng hành cùng với Chương trình tái canh cà phê của tỉnh, thông qua Chương trình Hợp tác Công tư (PPP), Công ty TNHH Nestlé Việt Nam phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên tổ chức hỗ trợ cây giống cho các huyện, thị xã, thành phố với mức hỗ trợ giá 1.000 đồng/ cây giống. Tổng cây giống hỗ trợ năm 2023 khoảng 5.015.904 cây giống, trong đó: Cư M'gar 524.087 cây giống, Krông Năng 632.740 cây giống, Ea H'leo 553.608 cây giống, Krông Ana 602.394 cây giống, Ea Kar 560.943 cây giống, Cư Kuin 438.280 cây giống, Krông Búk 305.925 cây giống, Krông Pắc 378.905 cây giống, Buôn Ma Thuột 259.040 cây giống...

- **Về cơ cấu giống cà phê:** Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên đã nghiên cứu, lai tạo, tuyển chọn 9 dòng cà phê vối, gồm: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13. Đây là những dòng cà phê mới đạt năng suất cao từ 4,2- 7 tấn cà phê nhân/ha, chất lượng tốt, có cỡ hạt lớn đạt loại 1 trên 65%, kháng cao với bệnh gỉ sắt, tăng khả năng cạnh tranh mặt hàng xuất khẩu cà phê trên thị trường thế giới, trong đó có 4 dòng cà phê vối chín muộn: TR9, TR11, TR12, TR13 nhằm chuyển dần thời gian thu hoạch cà phê vào đúng mùa khô không những thuận lợi trong việc thu hoạch, bảo đảm chất lượng cà phê không bị hư hỏng do mưa trong quá trình phơi sấy mà còn giảm được lượng nước tưới cho cây cà phê trong mùa khô. Xây dựng vườn sản xuất hạt giống cà phê vối bằng các dòng vô tính chọn lọc, mỗi năm sản xuất, cung cấp từ 5-7 tấn hạt giống lai đa dòng TRS1.

- **Về tổ chức sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận/xác nhận.**

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 04 loại hình cà phê chứng nhận phổ biến, gồm: 4C (bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certified, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng). Tổng diện tích cà phê có chứng nhận đạt 30.317 ha, Tổng sản lượng đạt 100 ngàn tấn. (*Chi tiết tại phụ lục III kèm theo*).

Trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh có 02 tổ chức được chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”, lũy kế đến tháng 11/2023 Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đã cấp cho 16 tổ chức sử dụng cho sản phẩm cà phê nhân

Robusta, với 24.600 tấn cà phê nhân trên diện tích 7.994 ha, 238 tấn cà phê hạt rang và 170 tấn cà phê bột.

- **Về hệ thống thủy lợi phục vụ cho cây cà phê:** Cây cà phê có nhu cầu tưới rất lớn vào mùa khô để đảm bảo thâm canh và sản xuất bền vững. Hiện nay theo thống kê trên địa bàn tỉnh có 856 công trình thủy lợi (gồm 619 hồ chứa, 161 đập dâng, 76 trạm bơm và 02 tuyến đê bao); Tổng chiều dài Kênh mương 2.427,6 km, đã kiên cố hóa được 1.593,63 km kênh mương các loại đạt 65,64%

Diện tích cà phê hiện có của tỉnh là 212.915 ha, trong đó diện tích tưới được hỗ trợ tiền, dịch vụ sử dụng giá sản phẩm công ích thủy lợi năm 2023 được tưới từ công trình thủy lợi 58.806 ha; diện tích được tưới từ các hồ chứa của các công ty cà phê, công an, bộ đội, sông suối, ao hồ do tạo nguồn và nước ngầm là 154.109 ha. Ngoài ra toàn tỉnh có 53.318,97 ha cây trồng cạn được tưới tiên tiến tiết kiệm nước. trong đó tưới phun mưa diện rộng: 51.393,50 ha; tưới phun cục bộ: 1.273 ha; tưới nhỏ giọt bình thường: 186,17 ha; tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân: 466,30 ha.

Việc không chủ động nguồn nước tưới cho cà phê đã làm cho sản xuất cà phê thiếu tính bền vững, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu đã và đang xảy ra làm gia tăng tình trạng suy thoái nguồn nước, dẫn đến nguy cơ thiếu nước tưới cho nông nghiệp, đặc biệt là cây cà phê. Để góp phần đảm bảo cho sản xuất cà phê Đắk Lắk mang tính bền vững thì việc đầu tư xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi phục vụ tưới cho cà phê trong thời gian tới hết sức cấp thiết.

- **Về Tình hình phát triển kinh tế tập thể:** Phát triển kinh tế tập thể góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn đã và đang được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 17/3/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Kinh tế tập thể; Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch 7452/KH-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025.

Hợp tác xã sản xuất cà phê hiện nay hoạt động mang lại hiệu quả khá cao phù hợp với điều kiện sản xuất cà phê của tỉnh Đắk Lắk và là xu hướng phát triển tất yếu trong quá trình hội nhập quốc tế nhằm liên kết các hộ nông dân trồng cà phê và tổ chức lại sản xuất theo hướng bền vững có chứng nhận, tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp,... góp phần tạo ra sản phẩm cà phê có chất lượng và giá trị kinh tế cao trên thị trường.

Tính đến 31/10/2023, trên địa bàn tỉnh có 39/229 Tổ hợp tác với 546 thành viên và 73/553 Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp trong lĩnh vực sản xuất cà phê với 15.304 thành viên, bình quân 1 HTX khoảng 34 thành viên; trong đó thành viên chính thức chiếm khoảng 68,7% và thành viên liên kết chiếm 31,3%; số lao động làm việc trong khu vực HTX tại thời điểm 30/12/2022 là 12.023 người.

- Tổng diện tích 9.382,3 ha, trong đó diện tích của HTX quản lý là 3.176,1 ha và diện tích HTX liên kết là 6.206,2 ha.
- Số HTX có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp: Có khoảng 51 HTX cà phê có liên kết với doanh nghiệp.
- Số HTX cà phê có sản phẩm được cấp chứng nhận OCOP là 10 HTX.

2. Tình hình chế biến.

Những năm gần đây, công nghiệp chế biến cà phê của tỉnh có nhiều khởi sắc. Trước đây, phần lớn các máy móc, thiết bị chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh đều phải nhập từ nước ngoài hoặc các địa phương khác. Đến nay, ngành cơ khí của tỉnh phát triển mạnh, với ưu thế chất lượng tốt, giá thành rẻ, nhiều loại máy móc, thiết bị đã đánh bật sản phẩm nhập từ Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và các địa phương khác đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp cà phê trên toàn tỉnh có nhu cầu đổi mới công nghệ, nâng cao công suất của các cơ sở chế biến cà phê. Vì vậy, trang thiết bị máy móc của các doanh nghiệp cà phê Đắk Lắk hiện nay đã được đổi mới nhiều và hiện đại hơn; Những nhà máy chế biến cà phê công suất lớn, như: Cà phê Ngon (Cụm công nghiệp Cư Kuin), Trung Nguyên, Intimex (Cụm công nghiệp Tân An), An Thái (Khu công nghiệp Hòa Phú), Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk, Công ty TNHH Đắk Man, Chi nhánh Công ty TNHH Olam tại Đắk Lắk... đều được lắp ráp bởi các doanh nghiệp cơ khí Đắk Lắk.

Hoạt động chế biến cà phê chủ yếu là chế biến ướt và phần lớn chế biến khô. Tuy nhiên, đa phần các cơ sở chế biến vừa và nhỏ, công suất chế biến cà phê bột đạt trên 44.000 tấn/năm (trong đó chỉ có một số doanh nghiệp lớn với quy mô và công suất lớn, như: Công ty CP Phát triển và Đầu tư An Thái công suất trên 16.000 tấn/năm cho sản phẩm cà phê bột và hạt rang; cà phê sữa 3 trong 1 là 8.000 tấn/năm; sản lượng cà phê hòa tan đạt gần 8.000 tấn/năm; Công ty cổ phần cà phê Trung Nguyên công suất 28.000 tấn/năm cho sản phẩm cà phê bột), hiện chỉ một số ít doanh nghiệp đủ năng lực chế biến cà phê chất lượng cao, còn lại phần lớn là các cơ sở quy mô nhỏ, dây chuyền thiết bị đơn giản (máy rang, máy xay, máy đóng gói).

Đắk Lắk hiện có 209 cơ sở chế biến cà phê (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh), phần lớn là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chế biến theo phương pháp chế biến khô là chủ yếu. Kết quả cụ thể:

- Năm 2022: Sơ chế cà phê nhân đạt 420.000 tấn; Cà phê bột đạt 44.000 tấn; Cà phê hòa tan đạt 16.000 tấn.

- Trong 09 tháng năm 2023: Sản lượng chế biến cà phê nhân, cà phê bột và cà phê hòa tan đạt 386.285 tấn; ước thực hiện cả năm 2023 là 496.000 tấn, trong đó:

- + Cà phê nhân sản lượng đạt 355.000 tấn (đạt 100,6% so với cùng kỳ năm 2022); ước thực hiện cả năm 2023 là 455.000 tấn.

- + Cà phê bột các loại sản lượng đạt 24.560 tấn (đạt 113,3% so với cùng kỳ năm 2022); ước thực hiện cả năm 2023 là 31.000 tấn.

+ Cà phê hòa tan sản lượng đạt 6.725 tấn (đạt 100,1% so với cùng kỳ năm 2022); ước thực hiện cả năm 2023 là 10.000 tấn.

3. Tình hình cho vay đối với lĩnh vực cà phê:

Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk, doanh số cho vay (bao gồm trồng mới, chăm sóc, thu mua, xuất khẩu) trong Niên vụ cà phê 2022-2023 bình quân đạt 24.017 tỷ đồng, cao hơn doanh số bình quân Niên vụ 2021-2022 là 3.263 tỷ đồng (tương ứng 15,72%).

- Dư nợ cho vay cà phê bình quân Niên vụ cà phê 2022-2023 đạt 19.936 tỷ đồng, thời điểm cao nhất dư nợ đạt 20.653 tỷ đồng, thời điểm thấp nhất dư nợ đạt 19.339 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ bình quân cho vay trồng trọt đạt 12.433 tỷ; thu mua, tiêu thụ, xuất khẩu đạt 6.441 tỷ đồng; chế biến, bảo quản đạt 1.062 tỷ đồng. Tính đến thời điểm tháng 9/2023, dư nợ cho vay cà phê đạt 19.339 tỷ đồng, chiếm 13,62% tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn tỉnh, với 115.544 khách hàng còn dư nợ. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 12.615 tỷ đồng (chiếm 65,23% dư nợ cho vay cà phê), cho vay trung, dài hạn ước đạt 6.724 tỷ đồng (chiếm 34,77% dư nợ cho vay cà phê).

- Kế hoạch cho vay Niên vụ cà phê 2023-2024: Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-UBND, ngày 25/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cà phê niên vụ 2023-2024, để đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực cà phê của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Niên vụ cà phê 2023-2024, ngày 30/10/2023, Ngân hàng nhà nước tỉnh đã ban hành công văn số 856/ĐAL-TH&KSNB chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn cân đối nguồn vốn, ưu tiên hạn mức tín dụng được giao đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, thu mua, chế biến và xuất khẩu cà phê, đặc biệt là vào các tháng cao điểm tháng 11, 12/2023 và tháng 01, 02/2024. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ, tạo điều kiện cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ gia đình tiếp cận vốn tín dụng để đầu tư tái canh cà phê, đầu tư máy móc thiết bị chế biến, hệ thống xử lý nước thải... Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc một số ngành, trong đó có ngành cà phê theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn hiểu rõ về cách thức để tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi suất, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục được hỗ trợ lãi suất theo quy định.

Các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn cam kết đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, người dân sản xuất kinh doanh cà phê trên địa bàn tỉnh Niên vụ cà phê 2023-2024, trước mắt, dự kiến nguồn vốn cho vay khoảng 7.500 tỷ đồng. Sau khi được Hội sở chính phân bổ thêm nguồn vốn hoạt động, các Chi nhánh Ngân hàng thương mại tiếp tục cân đối để ưu tiên cho vay đối với lĩnh vực cà phê

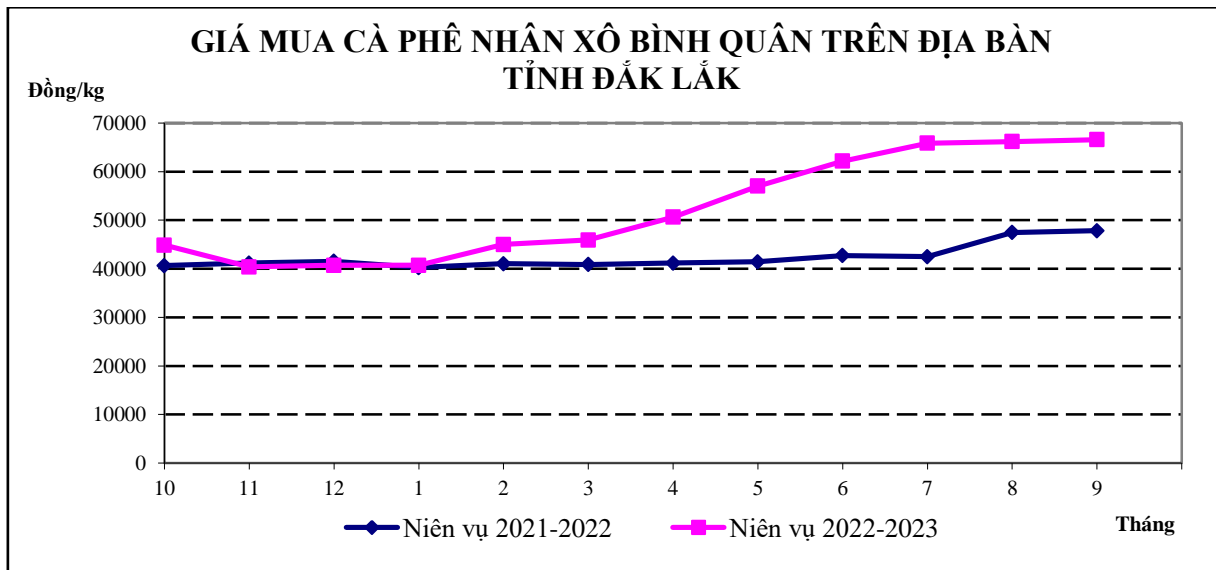
II. TÌNH HÌNH KINH DOANH, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2022-2023.

Niên vụ cà phê 2022-2023 chứng kiến giá cà phê đạt kỷ lục từ trước tới nay tuy nhiên tình hình kinh doanh, xuất khẩu cà phê tỉnh Đắk Lắk Niên vụ 2022-2023 gặp nhiều khó khăn do xung đột quân sự ở các quốc gia trên thế giới gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả leo thang, kinh tế thế giới lạm phát cao gây ra nhiều khó khăn cho thị trường cà phê. Hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê niên vụ 2022-2023 đạt được những kết quả như sau:

1. Giá cà phê.

1.1 Giá mua cà phê: Giá cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh trong niên vụ 2022-2023 là 52.165 đồng/kg (tăng 23% so với giá bình quân niên vụ 2021-2022 là 42.388 đồng/kg). Thời điểm giá mua bình quân cao nhất là tháng 9/2022 đạt trung bình 66.562 đồng/kg, ngày có giá mua cao nhất 68.200 đồng/kg (ngày 19/9/2023); tháng 11/2022 có giá mua trung bình thấp nhất chỉ ở mức 40.388 đồng/kg, giá mua thấp nhất trong niên vụ là 39.000 đồng/kg (ngày 12/01/2023).

Biểu đồ giá mua cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



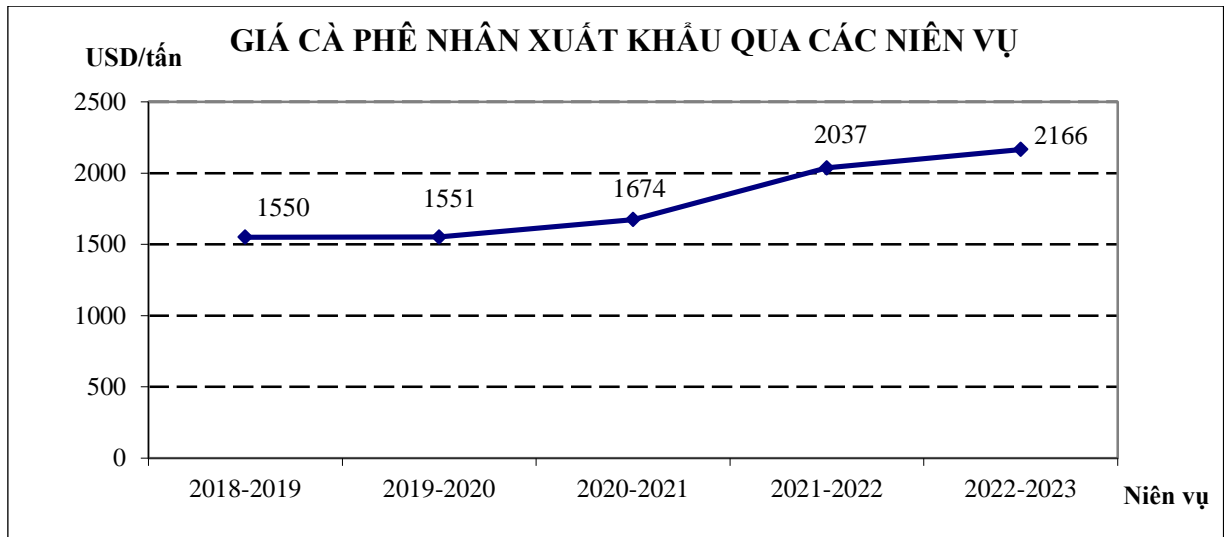
(Nguồn: Sở Công thương)

1.2 Giá xuất khẩu: Giá cà phê Robusta trên thị trường London trong Niên vụ 2022-2023 bình quân là 2.247 USD/tấn, tăng 3,2% so với giá trung bình của Niên vụ 2021-2022 là 2.176 USD/tấn. Mức giá chào mua trên thị trường London giữ ở mức cao xuyên suốt trong niên vụ và giá tăng cũng có nguyên nhân một phần do giá cước phí vận tải biển vẫn tăng cao.

- Trong Niên vụ 2022-2023 giá cà phê Arabica trên thị trường New York đạt bình quân 171 cent/lb, giảm 17% so với Niên vụ 2021-2022.

- Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân của các doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk trong Niên vụ cà phê 2022-2023 đạt 2.166 USD/tấn, tăng 129 USD/tấn so với niên vụ trước.

Biểu đồ: Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân qua các Niên vụ gần đây.



(Nguồn: Sở Công thương)

2 Tình hình xuất khẩu:

2.1 Số lượng và kim ngạch xuất khẩu

a) Số lượng, kim ngạch xuất khẩu cả nước:

Theo số liệu thống kê của Tổng Cục hải quan Việt Nam, Niên vụ 2022-2023 cả nước xuất khẩu cà phê đạt 1.664.274 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 4,079 tỷ USD, giảm 4,5% về lượng và tăng 3,4% về giá trị so với niên vụ trước.

b) Số lượng kim ngạch xuất khẩu tỉnh Đắk Lắk:

Niên vụ cà phê 2022-2023, tỉnh Đắk Lắk xuất khẩu cà phê đạt 318.483 tấn, giảm 76.459 tấn so với Niên vụ 2021-2022 (giảm 19,4%), chiếm tỷ trọng 19,1% so với cả nước; Kim ngạch xuất khẩu đạt 747,429 triệu USD, giảm 71,647 triệu USD so với niên vụ trước (giảm 8,7%), chiếm tỷ trọng 18,3% so với cả nước. Nếu so với Niên vụ 2021-2022, lượng cà phê xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu đều giảm, trong đó:

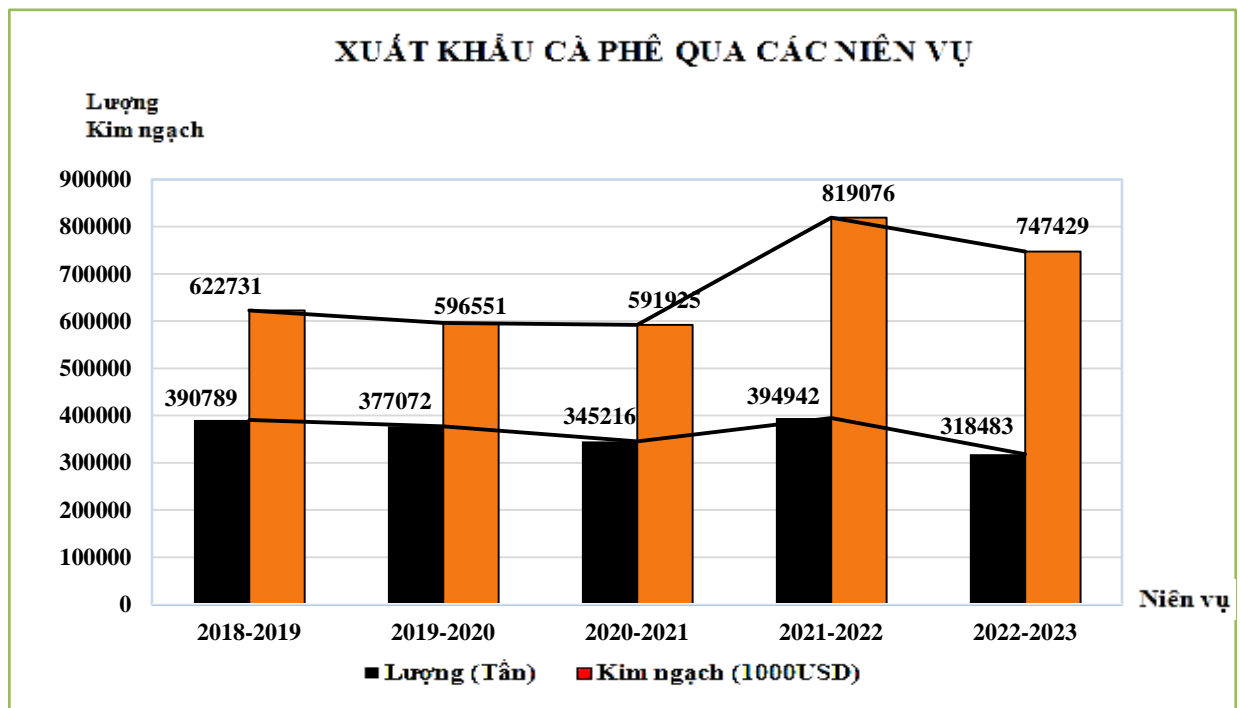
- Xuất khẩu cà phê nhân đạt 299.604 tấn, kim ngạch đạt 629,828 triệu USD (so với Niên vụ 2021-2022 giảm 19,8% về số lượng và giảm 10,4% về kim ngạch).

- Xuất khẩu cà phê hòa tan đạt 18.879 tấn, chiếm tỷ lệ 5,9% số lượng cà phê xuất khẩu; kim ngạch xuất khẩu đạt 117,601 triệu USD, chiếm tỷ lệ 15,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh. So với Niên vụ cà phê 2021-2022 số lượng cà phê hòa tan xuất khẩu giảm 2.448 tấn, kim ngạch xuất khẩu tăng 1,292 triệu USD. Nhìn chung xuất khẩu cà phê trên địa bàn tỉnh chủ yếu vẫn là cà phê nhân, cà phê hòa tan các niên vụ gần đây số lượng và kim ngạch xuất khẩu tăng

nhưng vẫn chiếm tỉ lệ còn thấp trong kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Các sản phẩm cà phê chế biến khác như cà phê rang, cà phê bột... xuất khẩu rất ít.

Niên vụ này, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 09 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu cà phê, trong đó có 05 doanh nghiệp địa phương, 03 doanh nghiệp FDI và 01 chi nhánh của doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex tại Buôn Ma Thuột). Trong đó một số doanh nghiệp có lượng cà phê xuất khẩu lớn, như: Công ty TNHH một thành viên XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty TNHH Dakman Việt Nam, Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex tại Buôn Ma Thuột và Công ty TNHH Sucden Coffee Việt Nam. Công ty TNHH một thành viên XNK 2/9 Đắk Lắk tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trên địa bàn tỉnh về xuất khẩu cà phê nhân với 105.667 tấn, đạt kim ngạch 226,975 triệu USD; tiếp đến là Công ty TNHH Sucden Coffee Việt Nam với lượng cà phê xuất khẩu đạt 42.555 tấn, kim ngạch 84,49 triệu USD. Có 02 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyên chế biến và xuất khẩu cà phê hòa tan là Công ty TNHH cà phê Ngon và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển An Thái.

Biểu đồ: xuất khẩu cà phê của tỉnh Đắk Lắk trong các Niên vụ gần đây



2.2 Thị trường xuất khẩu

Trong Niên vụ 2022-2023, cà phê Đắk Lắk xuất khẩu đến 61 thị trường và vùng lãnh thổ (giảm 03 thị trường so với niên vụ 2021-2022), trong đó thị trường Nhật Bản tiếp tục là thị trường lớn nhất của cà phê Đắk Lắk với kim ngạch 72,697 triệu USD (giảm 38,4% về kim ngạch so với niên vụ trước), tiếp sau là thị trường Italia với kim ngạch 39,045 triệu USD (giảm 45,8% so với niên vụ trước). Có 41 thị trường đạt kim ngạch trên 01 triệu USD, trong đó có 14 thị trường đạt kim ngạch trên 10 triệu USD, giảm 07 thị trường so với niên vụ trước.

Đối với cà phê hòa tan Niên vụ này xuất khẩu đến 20 thị trường, trong đó Indonesia và Thái Lan là 02 thị trường lớn nhất với kim ngạch lần lượt đạt 30,037 triệu USD và 10,581 triệu USD.

Nhìn chung cà phê Đắk Lắk vẫn tập trung xuất khẩu cà phê nhân sang các thị trường truyền thống lâu nay như Đức, Thụy sỹ, Nhật Bản, Italia, Mỹ...chưa gia tăng tỷ trọng xuất khẩu cà phê chế biến và chưa phát triển thêm các thị trường mới có tiềm năng ở các khu vực khác trên thế giới.

Top 10 thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Niên vụ 2022-2023

STT	Thị trường	Niên vụ 2022-2023	
		Số lượng (Tấn)	Kim ngạch (1.000 USD)
1	Nhật Bản	33.283	72.697
2	Italia	17.512	39.045
3	Indonesia	9.763	38.921
4	Đức	14.164	33.977
5	Nga	14.475	31.215
6	Hà Lan	10.562	29.496
7	Thụy Sỹ	12.287	28.378
8	Tây Ban Nha	10.674	21.747
9	Bỉ	9.075	18.776
10	Thái Lan	4.779	17.369
Tổng cộng		136.574	331.621

(Nguồn: Sở Công Thương)

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ.

1. Thông tin chung.

- Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã được mở rộng cho 04 dòng sản phẩm, gồm: cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất. Đây là nỗ lực lớn của tỉnh nhằm đưa được sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đến người tiêu dùng cuối cùng.

- Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” sử dụng cho cà phê Robusta được mở rộng phạm vi bảo hộ tại Quyết định số 939/QĐ-SHTT ngày 05/4/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cho 04 dạng sản phẩm cà phê Robusta, bao gồm: cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất.

+ Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho cà phê nhân được cấp cho các tổ chức, cá nhân có đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk

Lắc trực tiếp sản xuất hoặc hợp tác liên kết sản xuất trên các huyện: Ea H'Leo, Krông Búk, thị xã Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Ana, Cư Kuin, Cư M'gar, Krông Năng, Buôn Đôn và thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất được cấp cho các tổ chức, cá nhân có đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Hệ thống quản lý, kiểm soát chỉ dẫn địa lý: Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hệ thống kiểm soát

+ Kiểm soát bên ngoài (Kiểm soát của Sở Khoa học và Công nghệ): Tùy vào tình hình thực tế, cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý có thể mời đơn vị thứ 3 kiểm soát hoặc mời các chuyên gia đánh giá theo từng lĩnh vực nhằm kiểm soát, giám sát và quản lý các hoạt động sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột của các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng.

+ Kiểm soát nội bộ (Kiểm soát của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột): là hệ thống quy chế các nội dung kiểm soát của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột nhằm đảm bảo uy tín, chất lượng và nguồn gốc sản phẩm của các thành viên được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

+ Tự kiểm soát (Kiểm soát của tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột): là hoạt động tự kiểm soát, giám sát, theo dõi về hoạt động sử dụng chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột theo quy chế kiểm soát chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột nhằm đảm bảo điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

2. Cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý.

Trong năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột cho 02 tổ chức: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Xuất nhập khẩu Si Cafe - Chi nhánh Đắk Lắk và Công ty TNHH SX TMDV cà phê Trung Hòa (Cư Mgar) với 50 tấn cà phê nhân trên diện tích 16 ha, 28 tấn cà phê hạt rang và 19 tấn cà phê bột.

Lũy kế đến tháng 11/2023 Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đã cấp cho 16 tổ chức sử dụng cho sản phẩm cà phê nhân Robusta, với 24.600 tấn cà phê nhân trên diện tích 7.994 ha, 238 tấn cà phê hạt rang và 170 tấn cà phê bột.

- Cà phê rang xay có sử dụng Logo Chỉ dẫn địa lý: Nhằm tăng cường hệ thống nhận diện thương hiệu cà phê “Buôn Ma Thuột” trên sản phẩm cà phê rang xay, Hiệp hội thành lập ra Chi hội nhà rang xay cà phê Buôn Ma Thuột và cấp quyền sử dụng Logo chỉ dẫn địa lý rang xay. Các đơn vị được cấp quyền sử dụng Logo chỉ dẫn địa lý rang xay phải đảm bảo nguyên liệu đầu vào được mua của các đơn vị được trao quyền chỉ dẫn địa lý cà phê nhân. Trong năm 2021 có khoảng

193 tấn cà phê rang xay mang thương hiệu chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột được thương mại trên thị trường nội địa.

3. Tổ chức cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam năm 2023.

- **Tổ chức Cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam 2023:** có 47 đơn vị tham gia đến từ 7 tỉnh trồng cà phê trên cả nước với 84 mẫu đăng ký dự thi. Kết quả có 71 mẫu dự thi đạt đặc sản với tổng sản lượng 150,2 tấn. Các đơn vị có mẫu dự thi đạt Top 3 Robusta và Top 3 Arabica được trao Cup cuộc thi và Bằng khen của UBND tỉnh Đắk Lắk, như sau:

+ Đối với sản phẩm cà phê Robusta: giải Nhất thuộc về Phan Em coffee, giải Nhì thuộc về Công ty cổ phần Hạt Ngọc Cao Nguyên, giải Ba là sản phẩm của Công ty TNHH thương mại Phúc Minh đều đến từ tỉnh Đắk Lắk

+ Đối với sản phẩm cà phê Arabica, giải nhất được trao cho Công ty TNHH Pun Coffee (tỉnh Quảng Trị), giải nhì là công ty TNHH Carabu coffee (tỉnh Đắk Lắk), giải 3 là công ty TNHH MTV Minudo Farm – Care (tỉnh Đắk Lắk).

- **Tổ chức thành công “Cuộc thi pha chế cà phê đặc sản Việt Nam 2023” trong khuôn khổ lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột:** với tổng số 33 thí sinh dự thi trong đó có 24 thí sinh thi nội dung pha Phin truyền thống và 27 thí sinh thi nội dung pha Pour V60, kết quả như sau:

+ Nội dung pha phin truyền thống: thí sinh Trương Thị Thiên (27 tuổi, Đắk Lắk) giành giải nhất với số điểm 53. Các thí sinh Nguyễn Chí Thanh (TP.HCM, 48 điểm) và Lâm Tiến Dũng (Hà Nội, 46 điểm) lần lượt giành giải nhì và giải ba.

+ Nội dung pha Pour V60 (pha cà phê bằng bộ phễu và giấy lọc): thí sinh Phạm Ngọc Thạch (25 tuổi, Hà Nội) giành giải nhất với số điểm 54; giải nhì: Tạ Tuấn Anh (TP.HCM, 53,50 điểm) và giải ba: Bạch Ngọc Hải (Đắk Lắk, 52 điểm).

- Đề thương mại hóa các lô hàng “đặc sản” tại cuộc thi Cà phê đặc sản Việt Nam nhằm tạo giá trị gia tăng cho cà phê đặc sản Việt Nam và tạo động lực cho người trồng cà phê quan tâm đến việc nâng cấp chất lượng sản phẩm phiên đấu giá lô cà phê đặc sản đầu tiên ở Việt Nam đã được tổ chức bởi Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột phối hợp cùng với Công ty TNHH MTV XNK 2-9 Đắk Lắk (Simexco DakLak). Tại phiên đấu giá có 20 đơn vị là các nhà rang xay, đơn vị mua cà phê đặc sản trong và ngoài nước tham gia đấu giá mua hàng đặc sản. Các mức giá khởi điểm từ 100.000 đồng - 170.000 đồng/kg cà phê nhân do các đơn vị có lô hàng tham gia đấu giá đưa ra. Các lô hàng được các nhà rang xay, đơn vị mua cà phê đặc sản đã chốt giá thành công từ 310.000 đồng - 430.000 đồng/kg, cao hơn khoảng 6-8 lần giá cà phê thương mại tại cùng thời điểm.

4. Đăng ký bảo hộ quốc tế thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột: Nhãn hiệu “Buon Ma Thuot Coffee” đến nay đã được bảo hộ tại 32 quốc gia với các hình thức bảo hộ khác nhau, trong đó:

- Bảo hộ dưới hình thức “Chỉ dẫn địa lý” tại 28 quốc gia: gồm 27 quốc gia trong khối EU sau khi Hiệp định song phương EVFTA có hiệu lực từ tháng 7/2020 và Thái Lan.

- Bảo hộ dưới hình thức “Nhãn hiệu tập thể” tại 3 quốc gia: Trung Quốc, Singapore, Canada;

- Bảo hộ dưới hình thức “Tên gọi xuất xứ hàng hóa”: Nga.

- Gia hạn bảo hộ tại Trung Quốc, Singapore và Nga: Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu “Buon Ma Thuot Coffee” tại các nước Trung Quốc, Singapore và Nga đã hết hiệu lực. Trong năm 2023, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột đã phối hợp cùng với Công ty TNHH Luật Phạm và Liên Danh thực hiện các thủ tục cần thiết để nộp hồ sơ gia hạn bảo hộ nhãn hiệu “Buon Ma Thuot Coffee” tại Trung Quốc và Singapore. Đến nay Nhãn hiệu “Buon Ma Thuot Coffee” đã được gia hạn bảo hộ tại Trung Quốc và Singapore. Riêng tại Nga, do phải chuyển đổi hình thức bảo hộ từ “Tên gọi xuất xứ hàng hóa” sang “Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột” cho phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ của Nga. Đến nay hồ sơ đã được nộp vào cơ quan nhãn hiệu của Nga, Hiệp hội đang tiếp tục theo dõi vụ việc.

IV. TÌNH HÌNH XÚC TIẾN KÊU GỌI ĐẦU TƯ:

Hiện nay, UBND tỉnh tăng cường công tác xúc tiến, thu hút, mời gọi các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, đã và đang đầu tư các dự án chế biến cà phê chuyên sâu (chế biến tinh) tại Việt Nam đầu tư tại địa phương. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án, từ đó tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, xây dựng Đắk Lắk từng bước trở thành điểm đến hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tính riêng trong lĩnh vực chế biến cà phê, đến nay trên địa bàn tỉnh hiện có 19 dự án đầu tư chế biến cà phê cụ thể:

1. Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài: Có 04 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 1.462,9 tỷ đồng, gồm: (1) Dự án Liên doanh chế biến cà phê nhân xuất khẩu DakMan - Buôn Ma Thuột của Công ty TNHH Dakman Việt Nam, tổng vốn đầu tư 117,4 tỷ đồng, công suất 50.000 tấn cà phê nhân/năm và 5.000 tấn ca cao/năm; (2) Dự án Nhà máy chế biến cà phê, hạt điều, hồ tiêu và các loại nông sản khác của Công ty TNHH Olam, tổng vốn đầu tư 17,54 tỷ đồng, công suất chế biến cà phê nhân: 40.000 tấn/năm; hạt điều: 4.000 tấn/năm; hạt tiêu: 1.000 tấn/năm; các loại nông sản khác: 100 tấn/năm; (3) Dự án Chế biến xuất khẩu cà phê nhân của Công ty TNHH Cà phê Hà Lan Việt Nam, tổng vốn đầu tư 53 tỷ đồng, công suất 35.000 tấn/năm; (4) Dự án Nhà máy chế biến cà phê hòa tan “Cà phê Ngon” của Công ty TNHH Cà phê Ngon, tổng vốn đầu tư 1.275 tỷ đồng, với công suất sản xuất cà phê hòa tan 10.000 tấn/năm; sản xuất cà phê lỏng 6.000 tấn/năm; mua bán, xuất nhập khẩu cà phê nhân 12.000 tấn/năm

2. Dự án đầu tư trong nước: Có 15 dự án đầu tư chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 1.968,52 tỷ đồng (trong đó có 11 dự án đi vào hoạt động và 04 dự án đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư). Một số dự án tiêu biểu đi vào hoạt động đạt hiệu quả như: Dự án nhà máy chế biến cà phê hòa tan của Công ty cà phê An Thái tại Khu công nghiệp Hòa Phú, với vốn đầu tư khoảng 294 tỷ đồng; Dự án Nhà máy chế biến cà phê, nông sản xuất khẩu, cà phê bột của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Intimex tại Cụm Công nghiệp Tân An, với công suất 34.500 tấn/năm, vốn đầu tư 30,8 tỷ đồng...

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2022-2023.

1. Đánh giá chung:

- Niên vụ cà phê 2022-2023 chứng kiến giá cà phê đạt kỷ lục từ trước tới nay, tuy nhiên tình hình kinh doanh, xuất khẩu cà phê tỉnh Đắk Lắk Niên vụ 2022-2023 gặp nhiều khó khăn do xung đột quân sự ở các quốc gia trên thế giới gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả leo thang, kinh tế thế giới lạm phát cao gây ra nhiều khó khăn cho thị trường cà phê.

- Hiện nay, công tác quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột ngày càng được các tổ chức, cá nhân quan tâm. Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã được mở rộng cho 04 dòng sản phẩm cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất.

- Công tác xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường đã được quan tâm chú trọng, đã xây dựng được thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột gây ấn tượng với bạn bè trong nước và quốc tế, giúp cho việc quảng bá thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, cà phê Việt Nam ra thị trường thế giới.

- Chất lượng cà phê xuất khẩu đã được doanh nghiệp quan tâm, đảm bảo được yêu cầu chất lượng cà phê cho xuất khẩu. Hiện nay xuất khẩu cà phê hòa tan vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ và chưa đem lại nhiều giá trị gia tăng cho ngành cà phê Đắk Lắk.

- Ngoài ra để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh mặt hàng cà phê của tỉnh, cả người sản xuất và doanh nghiệp cà phê đã đầu tư vốn để chăm sóc, tái canh diện tích cà phê già cỗi cho năng suất thấp, đầu tư máy móc thiết bị chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê trên thị trường.

2 Một số khó khăn tồn tại: Niên vụ cà phê 2022-2023 còn một số tồn tại, khó khăn sau.

- Xung đột quân sự tại các quốc gia trên thế giới dẫn đến các doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn về vận chuyển dẫn đến các hợp đồng bị chậm, hàng hoá bị tồn kho, lãi suất ngân hàng, chi phí logistics tăng cao.

- Cà phê xuất khẩu của tỉnh chủ yếu vẫn là cà phê nhân (sản phẩm thô), tỷ trọng cà phê qua chế biến xuất khẩu hàng năm chưa tăng nhiều trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh.

- Sản phẩm cà phê được chế biến theo công nghệ ướt, chế biến sâu còn nhiều hạn chế do vậy giá cà phê nhân xuất khẩu cũng như giá trị gia tăng thấp, ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân. Công tác thu hút, mời gọi các dự

án đầu tư vào sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng nhưng chưa đồng bộ. Các nhà đầu tư chủ yếu quan tâm đến chế biến thô, giá trị thấp, chưa mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho địa phương cũng như tăng thu nhập cho người nông dân. Việc triển khai chính sách đối với ngành cà phê vẫn còn nhiều bất cập, thiếu thực tiễn, chưa đầy đủ và đồng bộ, dẫn đến khó khăn cho cả doanh nghiệp và người nông dân.

- Diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, trái quy luật, nắng nóng, khô hạn, mưa bão, lũ lụt ngày càng bất thường, tình trạng sâu bệnh hại có chiều hướng gia tăng cả về chủng loại và cấp độ.

- Hình thức tổ chức sản xuất cà phê hiện nay của tỉnh chủ yếu là sản xuất nông hộ, quy mô diện tích nhỏ, manh mún. Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất ngày càng xuống cấp và chưa đồng bộ, vấn đề thiếu sân phơi, nhà kho, thiết bị chế biến, thiếu nhân công nhất là lao động thu hái, chế biến cà phê khi vào vụ thu hoạch... đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm. Thiếu sự gắn kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu; một số doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cà phê trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đến phát triển vùng nguyên liệu.

- Hiện nay giá một số loại cây ăn quả như quả sầu riêng ở mức cao nên người dân có khuynh hướng trồng xen và cải tạo dân mà không tái canh toàn bộ diện tích cà phê dẫn đến khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng hoặc chặt bỏ cây cà phê chuyển sang trồng cây ăn quả. Biến động giá cà phê, vật tư đầu vào các loại, chi phí vận chuyển liên tục tăng cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người sản xuất cà phê.

- Cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã có mặt trên thị trường trong nước nhưng số lượng tiêu thụ còn ít. Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm cà phê nói chung và cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột còn hạn chế, chưa có giải pháp cụ thể cho đẩy mạnh xúc tiến thương mại cà phê có chỉ dẫn địa lý cũng như các loại cà phê bền vững có chứng nhận nhằm đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu cà phê ra thị trường thế giới.

B. KẾ HOẠCH NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2023-2024.

I. TÌNH HÌNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM.

1. Tình hình cà phê thế giới.

Theo báo cáo mới đây của Bộ Nông nghiệp Hòa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê thế giới trong Niên vụ 2023-2024 được dự báo tăng 4,3 triệu bao (60 kg/bao), tương ứng 2,5% so với niên vụ trước lên 174,3 triệu bao. Trong đó, sản lượng cao hơn ở Brazil và Việt Nam dự kiến sẽ bù đắp cho sự sụt giảm tại Indonesia. Với nguồn cung bổ sung, xuất khẩu cà phê toàn cầu dự báo tăng 5,8 triệu bao lên mức kỷ lục 122,2 triệu bao, chủ yếu do các lô hàng xuất khẩu tăng mạnh từ Brazil. Tiêu thụ cà phê toàn cầu cũng dự báo ở mức kỷ lục 170,2 triệu bao trong Niên vụ 2023-2024, tăng gần 2 triệu bao so với niên vụ trước; do đó tồn kho cuối kỳ dự kiến sẽ vẫn ở mức thấp với 31,8 triệu bao.

Brazil: Vụ thu hoạch Niên vụ 2023-2024 của Brazil được dự báo tăng 3,8 triệu bao lên 66,4 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê Arabica tăng 4,9 triệu bao lên 44,7 triệu bao. Vào tháng 01 năm nay, khu vực sản xuất cà phê hàng đầu của Brazil là bang Minas Gerais đã trải qua lượng mưa cao hơn mức trung bình trong giai đoạn phát triển trái cà phê khiến cho người nông dân gặp khó khăn trong việc kiểm soát dịch bệnh và sâu hại. Tuy nhiên, lượng mưa tăng dần đến kích thích hạt cà phê lớn hơn so với vụ trước, góp phần làm tăng sản lượng. Mặc dù sản lượng dự báo tăng trở lại, nhưng con số này vẫn thấp hơn so với mức đỉnh gần 50 triệu bao của các niên vụ được mùa trước đó. Cây cà phê Arabica tại nhiều vùng sản xuất của Brazil tiếp tục phục hồi sau đợt sương giá nghiêm trọng, nhiệt độ cao và lượng mưa dưới mức trung bình xảy ra vào năm 2021 khiến sản lượng cà phê giảm trong Niên vụ 2021-2022 và 2022-2023. Trong khi đó, sản lượng cà phê Robusta của Brazil được dự báo sẽ giảm lần đầu tiên sau 6 năm tăng trưởng liên tiếp với mức giảm 1,1 triệu bao xuống còn 21,7 triệu bao. Mưa giảm và nhiệt độ thấp trong giai đoạn ra hoa làm giảm sản lượng tại bang Espirito Santo, khu vực sản xuất cà phê robusta chính của Brazil. Xuất khẩu cà phê của Brazil được dự báo sẽ phục hồi và tăng 8 triệu bao so với niên vụ trước lên 41 triệu bao, do được thúc đẩy bởi nguồn cung cao hơn và dự trữ toàn cầu giảm.

Colombia: Sản lượng cà phê Arabica của Colombia được dự báo tăng 300.000 bao lên 11,6 triệu bao trong Niên vụ 2023-2024 nhờ năng suất cao hơn. Mặc dù vậy, sản lượng của Colombia vẫn thấp hơn gần 15% so với mức trung bình hàng năm khi người trồng cà phê hạn chế sử dụng phân bón do giá tăng cao. Xuất khẩu cà phê nhân của Colombia chủ yếu đến Mỹ và Liên minh châu Âu, được dự báo chỉ tăng nhẹ 100.000 bao lên 10,9 triệu bao do nguồn cung vẫn eo hẹp.

Ấn Độ: Vụ thu hoạch Niên vụ 2023-2024 của Ấn Độ được dự báo giảm 400.000 bao xuống còn 5,8 triệu bao. Chủ yếu do sản lượng cà phê Robusta giảm 300.000 bao xuống 4,6 triệu bao trước tác động của đợt khô hạn kéo dài từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2023 và sau đó là hoạt động yếu của những cơn mưa gió mùa. Sản lượng cà phê Arabica của Ấn Độ được dự báo giảm 100.000 bao xuống còn 1,2 triệu bao. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê nhân của Ấn Độ vẫn được dự báo tăng 100.000 bao lên 4,3 triệu bao và hàng tồn kho dự kiến giảm nhẹ.

Indonesia: Sản lượng cà phê của Indonesia thu hoạch Niên vụ 2023 - 2024 dự báo giảm 2,2 triệu bao xuống còn 9,7 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê Robusta dự báo giảm 2,1 triệu bao xuống còn 8,4 triệu bao. Mưa nhiều trong quá trình phát triển của trái cà phê đã làm giảm sản lượng ở các vùng đất thấp của Nam Sumatra và Java, nơi chiếm khoảng 75% diện tích Robusta của Indonesia. Sản lượng cà phê arabica cũng được dự báo giảm nhẹ xuống 1,3 triệu bao. Với dự báo này, xuất khẩu cà phê nhân của Indonesia dự kiến giảm mạnh 2,5 triệu bao xuống còn 5,2 triệu bao trong vụ 2023-2024.

Ethiopia: Sản lượng cà phê Arabica của Ethiopia được dự báo gần như không đổi ở mức 8,4 triệu bao và vẫn là nhà sản xuất cà phê Arabica lớn thứ ba thế giới sau Brazil và Colombia. Năng suất vẫn ổn định ở mức khoảng 14

bao/ha, trong khi các nhà sản xuất cà phê arabica hàng đầu khác cho năng suất trung bình cao hơn 40-60%. Các biện pháp quản lý cây trồng cải tiến đã không được áp dụng rộng rãi bởi 95% diện tích canh tác diễn ra trên các mảnh đất phi thương mại thường có diện tích từ nửa ha trở xuống. Năng suất thấp còn do việc hạn chế sử dụng thuốc trừ bệnh mặc dù đã xuất hiện các bệnh hại quả cà phê, bệnh héo rũ cà phê và bệnh thối rễ. Xuất khẩu cà phê nhân của Ethiopia, được dự báo không thay đổi do nguồn cung ổn định.

Trung Mỹ và Mexico: Dự báo sản lượng cà phê của khu vực Trung Mỹ và Mexico gần như không thay đổi so với Niên vụ trước ở mức 17,9 triệu bao, trong đó cà phê Arabica chiếm 95% tổng sản lượng. Mức tăng trưởng khiêm tốn ở Honduras, El Salvador và Costa Rica dự kiến sẽ bù đắp cho sự sụt giảm nhẹ ở Guatemala. Xuất khẩu cà phê nhân của khu vực được dự báo tương đương vụ trước ở mức 14,7 triệu bao nhờ các chuyển hàng ổn định đến các thị trường hàng đầu.

Nhập khẩu cà phê của Liên minh châu Âu (EU) dự báo tăng 3 triệu bao lên 47,5 triệu bao và chiếm 40% lượng cà phê nhân nhập khẩu của thế giới. Các nhà cung cấp hàng đầu cho EU trong năm 2022 bao gồm Brazil (35%), Việt Nam (22%), Uganda (7%) và Honduras (6%). Tồn kho cuối vụ dự kiến tăng 500.000 bao lên 13,1 triệu bao. Mỹ tiếp tục đứng thứ hai thế giới về nhập khẩu cà phê nhân với 26,5 triệu bao trong Niên vụ 2023-2024, tăng 2,5 triệu bao so với niên vụ trước. Các nhà cung cấp hàng đầu cho thị trường này gồm Brazil (31%), Colombia (19%), Việt Nam (10%) và Guatemala (6%). Tồn kho cà phê tại Mỹ trong niên vụ 2023-2024 cũng được dự báo tăng 1,1 triệu bao lên 6,8 triệu bao.

2. Tình hình cà phê tại Việt Nam:

- Sản lượng cà phê của Việt Nam trong Niên vụ 2023-2024 được dự báo tăng 1,6 triệu bao (5%) lên 31,3 triệu bao. Diện tích sản xuất dự kiến không thay đổi với gần 95% tổng sản lượng vẫn là cà phê robusta.

- Lượng mưa dự báo cao hơn 10-20% so với mức trung bình, hỗ trợ tưới tiêu cũng như sự phát triển của cây cà phê. Người dân cũng từng bước trồng lại cây cà phê để nâng cao sản lượng.

- Một số nguồn tin của USDA trong ngành cà phê Việt Nam thậm chí còn lạc quan hơn khi dự đoán khả năng tổng sản lượng cà phê cao hơn 5-10% so với năm trước. Nông dân đang dần tái canh cây cà phê bằng các giống mới có năng suất và khả năng kháng bệnh tốt hơn. Điều này đã giúp nâng cao năng suất của vụ cà phê. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê nhân của Việt Nam dự kiến giảm 1,5 triệu bao xuống 24,5 triệu bao dựa trên lượng tồn kho đầu vụ ở mức thấp và các quy định nhập khẩu chặt chẽ hơn của Liên minh Châu Âu. USDA dự báo tồn kho cuối vụ 2023-2024 của Việt Nam sẽ tăng 1 triệu bao so với vụ trước lên mức 2,7 triệu bao.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TRONG TỈNH NIÊN VỤ 2022- 2023.

1. Về sản xuất:

Dự kiến diện tích cà phê Niên vụ cà phê 2023-2024 duy trì khoảng 204.000 ha, tổng sản lượng ước đạt khoảng 526.000 tấn. Quan điểm của tỉnh Đắk Lắk không tăng diện tích cà phê ngoài quy hoạch, tập trung chuyển đổi diện tích cà phê kém hiệu, không đảm bảo nguồn nước sang các loại cây trồng khác; tiếp tục thực hiện Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đúng theo tiến độ, nhằm cải tạo dần những diện tích vườn cà phê già cỗi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

2. Về xuất khẩu: Dự kiến số lượng cà phê xuất khẩu cà phê Niên vụ 2023-2024 đạt 350.000 tấn, cụ thể:

STT	Niên vụ 2023-2024	Số lượng (tấn)
01	Quý 4 năm 2023	55.000
02	Quý 1 năm 2024	100.000
03	Quý 2 năm 2024	120.000
04	Quý 3 năm 2024	75.000
	Tổng cộng	350.000

C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ.

I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP.

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 21/CT-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh về việc sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cà phê niên vụ 2023-2024.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn tại địa phương tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình tái canh cà phê giai đoạn 2021 –2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, đảm bảo 100% diện tích tái canh được sử dụng giống tốt và áp dụng đúng quy trình tái canh đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất cà phê đặc sản của tỉnh nhằm khai thác thêm phân khúc thị trường mới, đa dạng hóa mặt hàng, nâng cao giá trị gia tăng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong và ngoài nước. Định hướng vùng trồng thuận lợi, thích hợp cho sản xuất cà phê đặc sản.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý sản xuất cà phê bền vững: Xây dựng phần mềm quản lý và đào tạo nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai kế hoạch, kiểm tra giám sát sản xuất cà phê bền vững; lập bản đồ số lý lịch vườn cây, cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm về tình hình tái canh, cải tạo giống.

5. Hỗ trợ thực hiện liên kết phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thúc đẩy tập quán canh tác bền vững trong đó có chú ý đến các vấn đề giảm thiểu mức sử dụng nước tưới, phân bón, hoá chất, cải thiện cảnh quan nông nghiệp và bảo vệ tài nguyên tự nhiên. Tổ chức tập huấn cho các nông hộ quy

trình trồng xen cây hồ tiêu, cây bơ và sầu riêng trong vườn cà phê với theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Tổ chức tuyên truyền cho nông dân nhằm nâng cao nhận thức về sản xuất cà phê bền vững, gắn với lợi ích kinh tế - xã hội - môi trường. Vận động nông dân tham gia tổ chức thành lập nhóm hộ, tổ chức nông dân, hợp tác xã ... Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ và khuyến khích nông dân tập trung thâm canh cà phê theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất cà phê có chứng nhận, mã số vùng trồng từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê.

7. Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến công, cán bộ cơ sở về ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và xử lý môi trường.

8. Tăng cường xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, đã và đang đầu tư các dự án chế biến cà phê chuyên sâu (chế biến tinh) tại Việt Nam đầu tư vào tỉnh thông qua các Hội nghị, Hội thảo mang tầm quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại tại các hội chợ, triển lãm ở trong và ngoài nước. Hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt thông tin giá cả, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, kết nối và thúc đẩy hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu mới; tham gia các Hội chợ chuyên ngành cà phê nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, xuất khẩu cà phê.

9. Hỗ trợ kinh phí trong việc đăng ký bảo hộ mở rộng sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột; Tiếp tục thực hiện công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm; Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của thế giới, như: HACCP, ISO 22000... trong chế biến để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm;

10. Thường xuyên thông tin đến doanh nghiệp các văn bản, quy định của Chính phủ, các Bộ, ban, ngành Trung ương mới ban hành về các lĩnh vực, như: xuất, nhập khẩu, tài chính, thuế, hải quan... Thường xuyên cập nhật thông tin từ hệ thống thương vụ Việt Nam tại các nước để nắm bắt các thay đổi trong quy định kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu của các, nắm bắt các nhu cầu của các địa phương tại các quốc gia trên thế giới để thông tin đến doanh nghiệp.

II. KIẾN NGHỊ VỚI CẤP BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG, HIỆP HỘI CÀ PHÊ - CA CAO VIỆT NAM.

1. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ban, ngành Trung ương nghiên cứu, ban hành các chính sách thu hút khuyến khích đầu tư phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, hỗ trợ nguồn kinh phí cho công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích cà phê không phù hợp, kém hiệu quả, thiếu nguồn nước sang các loại cây trồng khác, hỗ trợ thực hiện công tác chuyển đổi số cho lĩnh vực trồng trọt. Chỉ đạo Ban điều phối ngành hàng cà phê Việt Nam đưa nội dung phát triển cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản vào các chương trình hành động điều phối tầm quốc gia.

2. Đề nghị Bộ Công Thương: Hỗ trợ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia cho tỉnh Đắk Lắk để đẩy mạnh công tác xúc tiến, tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm cà phê nhất là sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý “cà phê Buôn Ma Thuột”, “cà phê đặc sản” ra thị trường thế giới.

3. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Có ý kiến chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ưu tiên cho vay vốn và có chính sách hỗ trợ lãi suất dành cho doanh nghiệp kinh doanh cà phê của tỉnh.

4. Đề nghị Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam: Tiếp tục hỗ trợ Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột trong bảo hộ và phát triển thương hiệu, phát triển cà phê đặc sản Việt Nam, tiếp tục hỗ trợ duy trì “Cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam 2024” và các năm tiếp theo; hỗ trợ, tạo điều kiện tổ chức cuộc thi “Rang cà phê”. Xem xét trích nguồn thu phí xuất khẩu cà phê hỗ trợ cho Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến thương mại sản phẩm cà phê.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê Niên vụ 2022-2023 và kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cà phê Niên vụ 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. UBND tỉnh Đắk Lắk kính đề nghị các Bộ, Ban, ngành Trung ương xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận :

- Các Bộ: NN&PTNT, Công Thương;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Hiệp hội cà phê ca cao Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, CT, TC, KH&ĐT, KH&CN, TT&TT;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NNMT;
- Lưu: VT, NN&MT (Đg-10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn